

**Biểu mẫu số Ia**

**ƯỚC TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 VÀ  
NHU CẦU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 CỦA ĐỊA PHƯƠNG**

*(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 8 năm 2022 của HĐND tỉnh)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Nguồn vốn	Năm 2022			KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Dự kiến KH Chương phục hồi và Phát triển kinh tế- xã hội	Nhu cầu kế hoạch năm 2023	Ghi chú
		Kế hoạch	Ước giải ngân từ 01/01/2022 đến 30/9/2022	Ước giải ngân từ 01/01/2022 đến 31/12/2022				
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>2.385.627</b>	<b>922.300</b>	<b>2.305.627</b>	<b>10.621.837</b>	<b>409.000</b>	<b>2.919.838</b>	
<b>I</b>	<b>Vốn NSNN (Vốn ngân sách Trung ương)</b>	<b>2.385.627</b>	<b>922.300</b>	<b>2.305.627</b>	<b>10.621.837</b>	<b>409.000</b>	<b>2.919.838</b>	
<b>1</b>	<b>Vốn trong nước</b>	<b>1.287.727</b>	<b>727.639</b>	<b>1.207.727</b>	<b>6.093.513</b>	<b>409.000</b>	<b>1.521.000</b>	
	<i>Trong đó: Từ nguồn vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - Xã hội</i>	<i>143.000</i>		<i>143.000</i>		<i>409.000</i>	<i>266.000</i>	<i>Số vốn kế hoạch năm 2022 là số vốn dự kiến giao</i>
<b>2</b>	<b>Vốn nước ngoài</b>	<b>324.435</b>	<b>194.661</b>	<b>324.435</b>	<b>1.320.586</b>		<b>204.000</b>	
<b>3</b>	<b>Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia</b>	<b>773.465</b>	<b>-</b>	<b>773.465</b>	<b>3.207.738</b>	<b>-</b>	<b>1.194.838</b>	
-	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	225.840		225.840	657.770		235.000	
-	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	166.460		166.460	511.717		238.000	
-	Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	381.165		381.165	2.038.251		721.838	
<b>II</b>	<b>Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật</b>			<b>-</b>				